

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH TRONG DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 4385/UBND-KTTH ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
	Tổng cộng	(126.246,06)	126.246,06	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	(99.029,63)	99.029,63	
1.1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(99.029,63)	99.029,63	
a	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chung của ngành	(14.516,78)	78.182,90	
-	Kinh phí dạy phụ đạo học sinh DTTS theo Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS	(194,46)		
-	Thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	(104,88)		
-	Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh	(62,97)		
-	Trang bị tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kon Tum (trang bị tủ sách dùng chung tài liệu GDĐP từ lớp 1 đến lớp 5)	(1.041,74)		
-	Trang bị tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kon Tum (trang bị tủ sách dùng chung tài liệu GDĐP từ lớp 6 đến lớp 12)	(1.057,00)		
-	Kinh phí thực hiện chính sách cử tuyển cho học sinh sinh viên	(156,00)		
-	Kinh phí ngày hội tư vấn tuyển sinh	(0,18)		
-	Hỗ trợ thuê tư vấn xây dựng định mức kỹ thuật, ban hành đơn giá, giá DVSNCL lĩnh vực dạy nghề (Triển khai thực hiện sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền)	(324,00)		
-	Triển khai sự nghiệp dạy nghề (Tổ chức tập huấn, Hội nghị sơ kết, Hội nghị tổng kết, công tác phí trong tỉnh và ngoài tỉnh...)	(440,80)		
-	Tổ chức hội thi tay nghề cấp tỉnh	(72,00)		
-	Tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh	(72,00)		
-	Kinh phí tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc	(45,00)		
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho Thanh niên là Bộ đội, công an xuất ngũ theo Thông tư số 43/2016/TT- BLĐTBXH ngày 28/12/2016	(1.800,00)		
-	Công tác thanh tra	(192,93)		
-	Chi bồi dưỡng cho công chức thanh tra phát hiện sai phạm qua công tác thanh tra	(27,00)		
-	Bồi dưỡng giáo viên giảng dạy các môn học mới trong Chương trình GDPT 2018	(750,00)		

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	(800,00)		
-	Nâng cao năng lực thực hiện từ Mô đun 1 đến Mô đun 9 dành cho CBQL và giáo viên cấp Tiểu học.	(500,00)		
-	Đề án, dự án dạy và học ngoài ngữ	(689,00)		
-	Nâng cao năng lực thực hiện từ Mô đun 1 đến Mô đun 9 dành cho CBQL và giáo viên cấp Tiểu học.	(200,00)		
-	Tổng kết, khen thưởng giai đoạn II việc thực hiện Đề án theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg về tăng cường tiếng việt cho trẻ Tiểu học vùng dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ giai đoạn 2021 - 2025	(40,00)		
-	Tập luyện tại tỉnh và tham gia ĐH TDTT cấp tỉnh, Kế hoạch 161/KH-UBND ngày 29/7/2024	(445,50)		
-	Tập huấn nâng cao năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của CBQL, GV, NV về phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em. Kỹ năng hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị bạo lực, xâm hại trong các cơ sở giáo dục	(35,64)		
-	Tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa trên không gian mạng cho học sinh	(11,73)		
-	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên y tế về công tác chăm sóc sức khỏe học đường, phòng chống bệnh không lây nhiễm....	(78,76)		
-	Tập huấn triển khai Đề án đảm bảo dinh dưỡng và hoạt động thể lực	(30,42)		
-	Chương trình tập huấn công tác xây dựng văn hóa học đường, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030” trong ngành Giáo dục, năm 2025	(99,90)		
-	Triển khai mô hình "Trường học Văn minh, học sinh thân thiện, không ma túy, bạo lực học đường	(26,73)		
-	Tiếp tục triển khai mô hình Dân vận khéo "ứng dụng công nghệ vào công tác Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông"	(136,50)		
-	Tập huấn bồi dưỡng chuyên môn cho GV GDTX năm 2025 (11 lớp, 200 người).	(4,50)		
-	Kinh phí triển khai, kiểm tra, đánh giá, công nhận đơn vị học tập, cộng đồng học tập; kiểm tra công tác giáo dục thường xuyên tại các đơn vị.	(14,30)		
-	Kiểm tra, giám sát và sơ kết việc thực hiện Đề án cơ sở vật chất	(100,00)		

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Kinh phí mua sắm thiết bị theo đề án TC CSVC của các trung tâm GDTX huyện chuyển sang (QĐ	(37,00)		
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	(199,80)		
-	Thi chọn HSG cấp tỉnh tham dự kỳ thi chọn HSG QG	(200,00)		
-	Hội nghị công tác Văn phòng; Hội nghị công tác pháp chế, Hội nghị,... ngoài tỉnh	(110,00)		
-	Cải cách hành chính, khảo sát sự hài lòng của người dân về dịch vụ công trong giáo dục (Tập huấn, tài liệu, bồi dưỡng cho tổ thư ký)	(18,00)		
-	Tổ chức ngày NGVN 20/11	(100,00)		
-	Tập huấn Đề án 06	(18,90)		
-	Thuê Dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học triển khai trong ngành giáo dục tỉnh Kon Tum	(990,00)		
-	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với phần mềm Trung tâm điều hành giáo dục tích hợp Cổng tiếp nhận Học bạ số năm 2024	(665,00)		
-	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với phần mềm học tập trực tuyến ngành giáo dục và đào tạo năm 2024	(759,00)		
-	Tổ chức tập huấn công nghệ thông tin và chuyển đổi số	(170,00)		
-	Xây dựng hệ thống theo dõi chỉ đạo điều hành ngành Giáo dục và Đào tạo	(97,00)		
-	Thuê dịch vụ phần mềm thi tuyển sinh đầu cấp	(31,24)		
-	Số hóa hồ sơ thi và cấp bằng tốt nghiệp THPT năm 2024; hồ sơ cấp chứng chỉ từ năm 2020 đến năm 2024	(6,86)		
-	Thuê dịch vụ phần mềm thi chọn học sinh giỏi tỉnh Kon Tum	(76,50)		
-	Hệ thống quản lý, tuyển sinh đầu cấp: Quản lý quy trình; đăng ký trực tuyến; Tra cứu trực tuyến thông tin; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (toàn trình) (314)	(16,64)		
-	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Kinh phí thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và các nhiệm vụ liên quan khác theo chủ trương cấp thẩm quyền)	(1.466,90)	76.716,00	
-	Tiết kiệm thực hiện CCTL theo quy định		1.466,90	
b	Kinh phí thực hiện các đề án, chính sách	-	4.645,62	

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện chính sách cho giáo viên theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ		1.963,80	
-	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo NĐ số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019		740,49	
-	Kinh phí bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi quốc gia theo NQ số 70/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Kon Tum cũ		1.926,33	
-	Kinh phí chi học bổng KKHT theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP		15,00	
c	Chi bộ máy sự nghiệp	(84.512,85)	16.201,11	
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	(686,85)	9.091,11	
-	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ (chi bộ máy)	(83.826,00)		
-	Tiết kiệm thực hiện CCTL theo quy định		7.110,00	
2	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	(2.657,41)	2.657,41	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	(2.657,41)	2.657,41	
-	Kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực xây dựng và đường bộ (chăm sóc, duy trì cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước, duy trì hệ thống điện công lộ; bao trì sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y) (kinh phí triển khai thực hiện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án giá)	(2.657,41)		
-	Thanh toán khối lượng sửa chữa Trụ sở làm việc của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tại xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi		442,27	
-	Dự án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2.000) Khu công nghiệp sản xuất, chế biến dược liệu tập trung tại Đăk Tô		800,00	
-	Lập phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất		487,61	
-	Kinh phí để triển khai thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án Khu đô thị mới Tịnh Phong		492,37	
-	Kinh phí thực hiện lập quy hoạch chi tiết 1/500 một số khu tái định cư, nhà ở xã hội trên địa bàn KKT Dung Quất		435,16	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	(1.204,67)	1.204,67	

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
3.1	Chi quản lý hành chính	(1.204,67)	1.204,67	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030	(30,78)		
-	Kinh phí tổ chức Ngày Truyền thống Văn phòng nhân kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống Văn phòng	(147,09)		
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 80 năm Ngày Khởi nghĩa Ba Tơ (11/3/1945 - 11/3/2025) và 50 năm Ngày Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (24/3/1975 - 24/3/2025)	(111,14)		
-	Kinh phí phục vụ lễ tang đồng chí đồng chí Trần Đức Lương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	(18,50)		
-	Kinh phí phục vụ công tác xã hội của các đồng chí Ủy viên BTVTU	(100,00)		
-	Chỉnh trang bên trong và bên ngoài Hội trường Ngọc Linh để phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2025-2030 (triển khai thực hiện sau khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục và được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán theo quy định)	(77,00)		
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cần thiết để đảm bảo kết nối trực tuyến với điểm cầu Trụ sở Tiếp công dân Trung ương (mô hình Tiếp công dân trực tuyến tại tỉnh) (triển khai thực hiện sau khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục và được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán theo quy định)	(10,34)		
-	Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình "Dân vận khéo"	(21,81)		
-	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến làm việc tại Trung tâm chính trị - hành chính đặt tại tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	(75,00)		
-	Kinh phí chi hoạt động công tác đảng	(613,00)		
-	Hoạt động chung UBND tỉnh (bao gồm cả thuê mướn chăm sóc sân vườn, bảo vệ, bảo hiểm xe ô tô, PCCC)		1.204,67	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(2.142,00)	2.142,00	
4.1	Chi sự nghiệp kinh tế	(2.142,00)	2.142,00	
-	Quỹ tiền thưởng	(2.142,00)		
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên		2.142,00	
5	Sở Tài chính	(26,00)	26,00	
5.1	Chi quản lý hành chính	(26,00)	26,00	
-	Quỹ tiền thưởng		26,00	

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên	(26,00)		
6	Sở Dân tộc và Tôn giáo	(6,00)	6,00	
6.1	Chi quản lý hành chính	(6,00)	6,00	
-	Quỹ tiền thưởng		6,00	
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên	(6,00)		
7	Sở Xây dựng	(1.940,00)	1.940,00	
7.1	Chi quản lý hành chính	(765,00)	765,00	
-	Chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông (Thanh tra Sở)	(765,00)		
-	Chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông (Văn phòng Sở)		765,00	
7.2	Chi sự nghiệp kinh tế	(1.175,00)	1.175,00	
-	Quỹ tiền thưởng		110,00	
-	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ (chi bộ máy)	(110,00)		
-	Dự toán chi thường xuyên giao tự chủ (chi bộ máy)	(1.065,00)		
-	Sửa chữa thường xuyên tính lộ		1.065,00	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	(536,00)	536,00	
8.1	Chi quản lý hành chính	(93,00)	93,00	
-	Quỹ tiền thưởng		15,00	
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên	(15,00)		
-	Tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Bộ Khoa học và Công nghệ		78,00	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội đảng bộ	(68,00)		
-	KP hỗ trợ xây dựng mô hình "Dân vận khéo"	(10,00)		
8.2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	(443,00)	443,00	
-	Quỹ tiền thưởng		4,00	
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên	(4,00)		
-	Chương trình Chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học- công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ (Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021)	(45,00)		
-	Kinh phí quản lý công nghệ, thị trường công nghệ	(121,00)		
-	Kinh phí thực hiện công tác quản lý về HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015.	(112,00)		
-	Sở hữu trí tuệ	(161,00)		
-	Chi họp Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh		15,00	
-	Tổ công tác hỗ trợ giải quyết vướng mắc, khó khăn, vướng mắc của chính quyền địa phương các xã, phường trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (02 tổ)		200,00	
-	Hội nghị Trao đổi, thảo luận và đề xuất danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi		66,00	

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho công chức cấp tỉnh và cấp xã thực hiện nhiệm vụ mới được phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		158,00	
9	Sở Nội vụ	(98,00)	98,00	
9.1	Chi quản lý hành chính	(30,00)	30,00	
-	Quỹ tiền thưởng	(30,00)		
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên		30,00	
9.2	Chi sự kinh tế	(68,00)	68,00	
-	Quỹ tiền thưởng	(68,00)		
-	Quỹ tiền lương và định mức chi thường xuyên		68,00	
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	(7.210,53)	7.210,53	
10.1	Chi quản lý hành chính	(7.210,53)	7.210,53	
10.1.1	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	(2.989,10)	1.463,16	
-	Kinh phí thực hiện theo Quyết định 66/2017/QĐ-UBND tỉnh ngày 03/10/2017 (quyết định số 217/QĐ-TW ngày 12/12/2013 về việc ban hành quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận TQVN và các tổ chức chính trị - xã hội ; Quyết định số 218/QĐ-TW ngày 12/12/2013)	(136,18)		
-	Kinh phí thực hiện giám sát đầu tư cộng đồng	(90,00)		
-	Kinh phí hoạt động của các Hội đồng tư vấn của UBMTTQVN tỉnh	(392,62)		
-	Bổ sung kinh phí hoạt động đặc thù (trong đó bao gồm chi phí giám sát, phản biện theo NQ HĐND tỉnh)	(316,38)		
-	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào Đoàn kết sáng tạo (thực hiện nhiệm vụ theo Công văn số 7518/BTC-HCSN ngày 26/6/2018 của BTC)	(140,00)		
-	Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	(864,31)		
-	Kinh phí thực hiện chương trình "trái tim cho em"	(160,00)		
-	Kinh phí thực hiện hoạt động Quỹ Cứu trợ, huy động Quỹ vì người nghèo (Kon tum cũ)	(147,61)		
-	Kinh phí CVĐ "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	(150,00)		
-	Kinh phí triển khai tuyên truyền vận động nhân dân phát huy bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam	(192,00)		
-	Triển khai tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum	(400,00)		
	Kinh phí tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến MTTQ và các đoàn thể tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I (2025-2030)		130,00	

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
	Chi giám sát với HĐND, đoàn ĐBQH; TXCT; công tác bầu cử (Ban Dân chủ, giám sát phản biện đề xuất)		116,15	
	Kinh phí tổ chức Đại hội thi đua biểu dương gương người tốt, việc tốt trong đồng bào công giáo tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II, giai đoạn 2020-2025		46,40	
	Kinh phí tiếp nước ngoài: Ủy ban Mặt trận đoàn kết phát triển Tổ quốc Campuchia tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia		300,00	
-	Kinh phí Đại hội Đại biểu MTTQ Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh nhiệm kỳ 2025-2023, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc MTTQ Việt Nam nhiệm kỳ 2026-2031		870,61	
10.1.2	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	(616,86)	1.286,85	
-	Sơ kết 03 năm thực hiện Phong trào thi đua "Xây dựng Người phụ nữ Việt Nam thời đại mới"	(70,00)		
-	Kinh phí tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo QĐ 217, 218 QĐ/TW của Bộ Chính trị	(87,12)		
-	Triển khai Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023 - 2028 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	(36,00)		
-	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (bằng hình thức Hội thi)	(72,00)		
-	Gặp mặt, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm và cách làm hay của đảng viên nữ tiêu biểu trên địa bàn tỉnh năm 2025	(27,00)		
-	Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2025 và Cuộc vận động "Xây dựng Gia đình 5 không 3 sạch" và 05 năm thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và tham dự Hội nghị do Trung ương Hội tổ chức.	(54,00)		
-	Luật bình đẳng giới, chống bạo lực GD (Hội thi Chi Hội trưởng giới)	(56,19)		
-	Kinh phí triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Hội và phong trào phụ nữ	(199,55)		
-	Kinh phí triển khai cuộc vận động "Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS vươn lên thoát nghèo bền vững"	(15,00)		
-	Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I (2025-2030)		1.286,85	
10.1.3	Hội Nông dân tỉnh	(2.016,00)	2.075,48	
-	Kinh phí mua xe ô tô	(1.590,00)		

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Kinh phí tổ chức Đại hội chi bộ Hội Nông dân tỉnh	(49,00)		
-	Hội nghị điển hình tiên tiến năm 2025 (Quảng Ngãi cũ)	(377,00)		
-	Kinh phí thực hiện Quyết định 81/2014/QĐ-TTg (xây dựng câu lạc bộ nông dân với pháp luật)		77,40	
-	Kinh phí giám sát (theo Quyết định 217 của Bộ Chính trị)		48,30	
-	Kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội cho cán cơ sở Hội (lớp 7 ngày)		185,90	
-	Kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội cho cán chi, tổ Hội (lớp 5 ngày)		128,20	
-	In ấn và phát hành Bản tin Nông dân Quảng Ngãi 6 tháng cuối năm 2025		122,10	
-	Kinh phí đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ I, NK 2025-2030 (nhiệm vụ phát sinh mới)		1.513,58	
10.1.4	Tỉnh Đoàn	(342,00)	1.031,97	
-	Hội nghị phát động đợt thi đua cao điểm trong các cấp bộ đoàn toàn tỉnh lập thành tích chào mừng 50 năm giải phóng tỉnh Quảng Ngãi; đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhiệm kỳ 2025-2030; bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031	(27,00)		
-	Hội nghị sơ kết đợt thi đua cao điểm trong các cấp bộ đoàn toàn tỉnh lập thành tích chào mừng 50 năm giải phóng tỉnh Quảng Ngãi; Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhiệm kỳ 2025-2030	(27,00)		
-	Tổ chức Diễn đàn "Thanh niên Quảng Ngãi với sứ mệnh chấn hưng văn hoá trong kỷ nguyên số" chào mừng Ngày hội Đại đoàn kết dân tộc	(36,00)		
-	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đoàn các cấp (xây dựng video clip, Bản tin thanh niên, video Podcast, công nghệ AI...)	(27,00)		
-	Tổ chức tập huấn báo cáo viên (Kon Tum cũ)	(12,00)		
-	Liên hoan tiếng hát Thanh niên công nhân, dân tộc, tôn giáo chủ đề tuyên truyền ca khúc cách mạng	(36,00)		
-	Tổ chức tọa đàm Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và Sơ kết Đề án "Tự hào một dải non sông"	(27,00)		

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Hội thi Olympic các môn khoa học Mac-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh "Ánh sáng soi đường" lần thứ VI năm 2025 (Kon Tum cũ)	(45,00)		
-	Trại huấn luyện PKT (Phương pháp kỹ năng Thanh niên)	(63,00)		
-	Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi	(42,00)		
-	Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ I (2025-2030)		1.031,97	
10.1.5	Hội Đông Y	(11,00)	-	
-	Đại Hội chi bộ nhiệm kỳ 2025-2030	(11,00)		
10.1.6	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	(470,57)	-	
-	Chi phí xuất bản tạp chí Văn nghệ Kon Tum	(346,57)		
-	Kinh phí tổ chức Đại hội Hội Văn học Nghệ thuật Kon Tum, nhiệm kỳ 2025 - 2030	(124,00)		
10.1.7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh	(106,00)	-	
-	Chi tiết nội dung: Đại hội Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Kon Tum cũ, nhiệm kỳ 2025-2030 - nguồn kinh phí: 12	(106,00)		
10.1.8	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	(557,00)	-	
-	Chương trình "Trái tim cho em"	(36,00)		
-	Hội nghị điển hình tiên tiến cấp tỉnh và cử Đoàn đại biểu tham dự Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VII Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	(94,00)		
-	Hội nghị tổng kết 5 năm triển khai chính thức Tháng Nhân đạo	(9,00)		
-	Tổ chức Đại hội Chi bộ	(15,00)		
-	Kinh phí hỗ trợ CCVC đến làm việc tại TTCT-HC Quảng Ngãi theo Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	(225,00)		
-	Giao ban Cụm và các hoạt động khác	(50,00)		
-	Kinh phí huy động, vận động các chương trình tài trợ	(100,00)		
-	Kinh phí tham dự Chương trình "Tết Nhân ái"	(28,00)		
10.1.9	Hội Luật gia	(43,00)	-	
-	Đại hội chi bộ Hội Luật gia	(13,00)		
-	Tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập Hội	(30,00)		
10.1.10	Hội Nhà báo	(59,00)	-	
-	Kinh phí tham gia Hội báo toàn quốc	(43,00)		
-	Kinh phí tổ chức gặp mặt ngày báo chí CMVN 21/6/2025	(16,00)		
10.1.11	Hội Cựu Chiến binh tỉnh	-	901,08	
-	Đại hội đại biểu Cựu chiến binh lần thứ I (2025-2030)		901,08	
10.1.12	Liên đoàn lao động tỉnh	-	452,00	

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I (2025-2030)		452,00	
11	Sở Y tế	(3.691,94)	3.691,94	
11.1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(3.689,94)	3.689,94	
-	Đề án thuê chuyên gia Cu Ba hỗ trợ khám chữa bệnh, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	(196,99)		
-	Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế năm 2025-2030	(75,00)		
-	Hỗ trợ, quà tặng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024.	(402,00)		
-	Thuê dịch vụ triển khai bệnh án điện tử	(77,00)		
-	Kinh phí thực hiện dự án sáng kiến khu vực, ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2024-2026 (theo Công văn cam kết tiếp nhận số 4126/UBND-KGVX ngày 24/8/2023)	(392,00)		
-	Mua mẫu kiểm nghiệm	(24,00)		
-	Mua hoá chất, dung môi, chất chuẩn, chất đối chiếu môi trường vi sinh, dụng cụ thí nghiệm	(38,00)		
-	Hỗ trợ cho nhân viên y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg - Nguồn kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(63,22)		
-	Kinh phí thực hiện di dời cơ sở khám, chữa bệnh tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2025- Nguồn kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(11,19)		
-	Kinh phí thực hiện chính sách dân số của tỉnh giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030	(15,27)		
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019	(1.733,70)		
-	Kinh phí chi bồi dưỡng cho Cộng tác viên dân số	(1,70)		
-	Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, và lực lượng vũ trang theo Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005	(600,00)		
-	Mua sắm trang thiết bị y tế, chuyên dùng khác	(5,80)		
-	Hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là DTTS thực hiện đúng chính sách dân số theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/04/2015 của Chính Phủ	(54,00)		
-	Mua phương tiện tránh thai năm 2024 chuyển sang năm 2025	(0,07)		

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Sự nghiệp y tế khác quản lý ngành (triển khai tập huấn, chuyên môn, chỉ đạo giám sát hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác mang tính chất chuyên môn quản lý toàn ngành...)		500,00	
-	Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn y tế, Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế năm 2025-2030		200,00	
-	Kinh phí sửa chữa xe cấp cứu, mua thiết bị y tế, sửa chữa cơ sở vật chất của ngành Y tế.		2.432,31	
-	Chi bồi dưỡng công tác viên dân số theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND		0,20	
-	Chi hỗ trợ y tế thôn bản theo Quyết định số 75/2005/QĐ-TTg		163,43	
-	Kinh phí mua thuốc, hóa chất, vật tư truyền thông phục vụ công tác phòng chống dịch		107,00	
-	Chi các chế độ chính sách theo nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		287,00	
11.2	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	(2,00)	2,00	
-	Hỗ trợ, quà tặng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024	(2,00)		
-	Chương trình Khám sàng lọc tim bẩm sinh và tài trợ chi phí phẫu thuật, can thiệp tim mạch cho trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Tổ chức VinaCapital Foundation tài trợ theo QĐ Số 948/QĐ - UBND ngày 20/06/2025		2,00	
12	Sở Công Thương	(627,88)	627,88	
12.1	Chi sự kinh tế	(627,88)	627,88	
-	Thuê tư vấn lập hồ sơ đề xuất dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh	(627,88)		
-	Thuê tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các dự án năng lượng		627,88	
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	(7.076,00)	7.076,00	
13.1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	(7.076,00)	7.076,00	
-	Thực hiện Quy hoạch bảo tồn và phát huy di tích quốc gia đặc biệt về di tích Địa điểm cuộc khởi nghĩa Ba Tơ	(1.000,00)		
-	Tổ chức Tổng kết Đề án phát triển văn hóa đọc	(154,00)		
-	Chi hoạt động văn hóa nghệ thuật văn hóa; quản lý di sản văn hóa; hoạt động phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình	(85,00)		

STT	Đơn vị/Nội dung	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Ghi chú
-	Các nhiệm vụ triển khai một số ứng dụng CNTT và lĩnh vực TT&TT trên địa bàn tỉnh theo chủ trương của UBND tại Văn bản số 09/UBND-KGVX ngày 02 tháng 01 năm 2020	(91,00)		
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 4222/KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	(3.000,00)		
-	Hệ thống thông tin nguồn	(1.000,00)		
-	Triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa	(90,00)		
-	Thực hiện Kế hoạch hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí hàng năm	(752,00)		
-	Thực hiện Kế hoạch bình chọn 10 sự kiện năm 2025	(135,00)		
-	Thực hiện chỉ tiêu 100% Đài PTTH cấp tỉnh có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về Bình đẳng giới hàng tháng	(67,00)		
-	Thực hiện Chương trình phối hợp trong công tác thông tin, truyền thông và thông tin đối ngoại tại khu vực biên giới biển, đảo	(31,00)		
-	Hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và dịch vụ học tập, nghiên cứu	(45,00)		
-	Khai quật khảo cổ văn hóa Sa Huỳnh tại Diên Trường, Phở Khánh	(450,00)		
-	Xây dựng, thiết kế bộ nhận diện Bảo tàng Tổng hợp Quảng Ngãi	(72,00)		
-	Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới	(104,00)		
-	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2025) và 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025)		6.166,00	
-	Tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965 - 18/8/2025)		85,00	
-	Trung bày, tuyên truyền sách, báo, tài liệu phục vụ Đại Hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030		154,00	
-	Tổ chức sự kiện, biên soạn thư mục, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách, báo, tư liệu kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện lịch sử của đất nước và của địa phương		45,00	
-	Tổ chức các hoạt động Triển lãm thành tựu Đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh (02/9/2045-02/9/2025) tại Hà Nội		522,00	
-	Triển lãm tư liệu, hình ảnh về Đại hội Đảng bộ tỉnh qua các nhiệm kỳ		104,00	